

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

*“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly  
hôn, nuôi con,”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Trung Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chinh,

2. Bà Lương Thị Kim Vân.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con,”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXX - ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Duy T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Hiện sinh sống: ấp M, xã Q, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Bùi Thanh X, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*(Anh T có mặt, chị X vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Duy T trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh T và chị X kết hôn chung sống với nhau và vợ chồng có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/01/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, thời

gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, rồi ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay anh Trần Duy T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thanh X.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 01/10/2009 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 12/6/2012. Hiện nay, con chung đang sống với chị X. Theo đơn khởi kiện, khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Bảo N; anh T đồng ý giao con chung Trần Bảo Tr cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung và anh T cũng không cấp dưỡng cho chị X để nuôi con chung. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

**\* Bị đơn chị Bùi Thanh X trình bày tại phiên hòa giải:**

- Về hôn nhân: Chị thừa nhận thời gian chung sống cũng như việc đăng ký kết hôn như anh T trình bày. Vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên chị X và anh T còn sống chung với nhau, chưa sống ly thân. Nay chị X còn thương anh T và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho 02 con nên chị X không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 01/10/2009 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 12/6/2012. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị X. Khi ly hôn chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Trích lục kết hôn tên Bùi Thanh X – Trần Duy T (Bản sao);

- Trích lục khai sinh Trần Bảo N, Trần Bảo Tr (bản sao);

- Giấy CMND, sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

- Về tố tụng: Chị Bùi Thanh X là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp C, xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Chị Bùi Thanh X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Bùi Thanh X.

- Về hôn nhân: Xét thấy anh T và chị X kết hôn, có đăng ký kết hôn do Ủy

ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/01/2020. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây do không đồng quan điểm sống đã dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng luôn trong tình trạng mâu thuẫn kéo dài. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng hiện tại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh X là hợp pháp, anh T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, bởi vì: mâu thuẫn giữa anh T và chị X đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau, anh T và chị X đã từng ly hôn sau đó sống chung lại với nhau và có đăng ký kết hôn lại nhưng mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh T và chị X đã ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, anh T và chị X đều có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thanh X, xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 01/10/2009 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 12/6/2012. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị X. Khi ly hôn chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Anh T cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện con chung do chị X nuôi dưỡng, được chăm sóc chu đáo, đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống và tinh thần ổn định cho cháu Trần Bảo N, Trần Bảo Tr, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định pháp luật, anh T cũng đồng ý theo yêu cầu của chị X đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng, mỗi cháu là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu N, cháu Tr đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Án phí: Anh Trần Duy T chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*\* Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy T.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Duy T đối với chị Bùi Thanh X.

2. Về con chung: Chị Bùi Thanh X được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 01/10/2009 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 12/6/2012. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng, mỗi cháu là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu N, cháu Tr đủ 18 tuổi.

Anh Trần Duy T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Anh Trần Duy T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003954 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; Số tiền anh T phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng chị Bùi Thanh X được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Trung Dũng**

